

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+P9+RP3	7:25	7+0+15	0+0+0		3+0+18	0+0+0	chuyen2 pax p9-rp3
2		CTK3+TTC1+BK21	7:25	22+0+0	0+0+0		16+2+4	0+0+0	chuyen2 pax ttc1-bk21
3		P7+PPD	7:25	5+17	0+0		0+22	0+0	
4		GTCL+BK9+CTK3	9:25	6+0+15	0+0+0		2+0+20	0+0+0	CHUYEN 1 GTCL- CTK3chuyen 1 bk9-ctk3
5		BK19+P11+CLO+P1	9:25	1+17+0	0+0+0		0+8+14	0+0+0	90KG CLO
6		BK16+GTCL+P4	9:25	7+1+13	0+0+0		5+2+15	0+0+0	
7		BK14+PPD	11:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
8		RP3+RP2+P10	11:25	14+5+0	0+0+0		10+6+5	0+0+0	
9		PPD+AMD	13:25	12+10	0+0		7+15	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 nguoi bk21 về đi bk19,
2/Đi về trong ngày P10-5ng, RP3ng-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/05/2025	TO: P10 - P9 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - SƠN - THÀNH	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ VĂN QUYẾT	P10	65	1	3	4	70	90	QUYETTHA	Vietnamese
2	HOANG ANH TÚ	P10						82	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN CANH TÂN	P10						73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN THĂNG	P10						60	NIPI	Vietnamese
5	NHAM ĐIỆN BIÊN	P10	64	1	2			69	NIPI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NGHI	P10	66	1	6			69	PSV	Vietnamese
7	PHAN SỸ HOÀN	P10	40	1	7			67	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN CHINH THI	RP3	44	1	4			74	KHI	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC HUNG	RP3	46	1	7			84	KHI	Vietnamese
10	VŨ MẠNH CƯỜNG	RP3	42-43	2	10			68	KHI	Vietnamese
11	PHẠM VĂN KÝ	RP3	36	1	7			66	KHI	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	45	1	3			81	KHI	Vietnamese
13	VŨ ĐÓN LONG	RP3	40	1	3			76	KHI	Vietnamese
14	PHẠM HOANG NGUYEN	RP3	37	1	6			67	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HIỆP	RP3						61	YTE	Vietnamese
16	VŨ CÔNG NGHĨA	RP3						75	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN THỊ AN GIANG	RP3	97	1	2			57	YTE	Vietnamese
18	TRẦN ĐỨC TUÂN	RP3						60	YTE	Vietnamese
19	NGÔ PHẠM THANH HUY	RP3	38-39	2	14			85	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	98-99	2	9			69	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VAN HAI	RP3	1000	1	8			63	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	41	1	3			63	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P10	7	510	4	18	4	70	3			
2		P9	0	0	0	0	0	0	0		CHUYEN 2 PAX P9-RP3	
3		RP3	15	1.049	15	76	0	0	18			
		TOTAL	22	1.559	19	94	4	70	21			
		WEIGHT KG		1.559		94		70				

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/05/2025	TO: CTK3 - TTC1 - BK21	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - DTUNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BOGDANOV EVGENII	CTK3	25	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH QUOC HUY	CTK3	63	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
3	VU CONG KHANG	CTK3	29	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN DU	CTK3	27	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HONG ANH	CTK3	28	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN DUNG	CTK3	06	1	2			73	KH-THAC	Vietnamese
7	LE CANH HUNG	CTK3	66-67	2	26			66	KH-THAC	Vietnamese
8	CAO MINH CHIEU	CTK3	77	1	12			72	NAM TIEN	Vietnamese
9	NGUYEN HUU LONG	CTK3	01	1	14			74	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGOC HAI	CTK3	05	1	8			92	KH-THAC	Vietnamese
11	LE THANH CHUNG	CTK3						77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO QUANG THANG	CTK3	52	1	3			84	KH-THAC	Vietnamese
13	PHUNG DINH HAI	CTK3	26	1	5			86	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	30	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MANH HUNG	CTK3	61	1	11			83	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN QUOC KHIEM	CTK3	04	1	4			90	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM HONG SON	CTK3	02-03	2	17	2	13	65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN SON HA	CTK3	62	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIET LONG	CTK3	60	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
20	LE NGUYEN NHAT LINH	CTK3						81	KH-THAC	Vietnamese
21	DO VAN BINH	CTK3	500	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
22	DO HUU BUC	CTK3	64-65	2	25			93	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		CTK3	22	1.627	23	184	2	13	16			
2		TTC1	0	0	0	0	2	24	2 + 2		CHUYEN 2 PAX TTC1-BK21	
3		BK21	0	0	0	0	0	0	4			
		TOTAL	22	1.627	23	184	4	37	22			
		WEIGHT KG		1.627		184		37				

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/05/2025	TO: P7 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: DUONG - MTHAO - VU	ETA: 09:20
XANH-1			

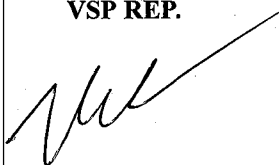
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÔ CHI THANH	P7	02-03	2	20			73	DVL	Vietnamese
2	PHẠM XUÂN HÙNG	P7	100	1	11			69	DVL	Vietnamese
3	PHẠM VĂN ĐAM	P7	98-99	2	11			70	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG HOAN	P7	04-05	2	22	2	30	88	DVL	Vietnamese
5	PHẠM HAI LONG	P7	01	1	14			79	DVL	Vietnamese
6	GALLIAMOV I.M	PPD	52	1	6			73	KH-THAC	Russian
7	NGO VIỆT ANH	PPD	57	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG ĐẠI THANG	PPD	59	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI HUU HUAN	PPD	69	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ HỒ HAI	PPD	60	1	2			66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD	62-63	2	6			68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO CHUNG KIEN	PPD	64	1	3			60	KHI	Vietnamese
13	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	56	1	4			73	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC LAM	PPD	55	1	6			68	KHI	Vietnamese
15	VÔ VĂN QUYÊN	PPD	70	1	4			70	KHI	Vietnamese
16	VŨ VĂN TRIỆU	PPD	61	1	5			78	KHI	Vietnamese
17	NGO SỸ THANH	PPD	68	1	5			88	KHI	Vietnamese
18	TRINH VĂN CƯỜNG	PPD	58	1	6	2	40	66	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH VIÊN	PPD	66-67	2	12			77	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	65	1	4			69	KHI	Vietnamese
21	ĐO VĂN TUẤN	PPD	53	1	2			68	KHI	Vietnamese
22	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	54	1	5			76	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

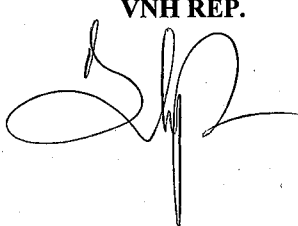
No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		P7	5	379	8	78	2	30	0			
2		PPD	17	1.218	19	89	2	40	22			
		TOTAL	22	1.597	27	167	4	70	22			
		WEIGHT KG		1.597		167		70				

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/05/2025	TO: GTC1 - BK9 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - SƠN - THÀNH	ETA: 11:45
CAM - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN PHI KHAI HOAN	GTC1	73	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HÙNG	GTC1						81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN SƠN TÙNG	GTC1						75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN TUYẾN	GTC1						68	KH-THAC	Vietnamese
5	LUYỄN VĂN THIỀU	GTC1	71	1	11			81	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THANH HẢI (17773)	GTC1	72	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
7	VU VAN THUONG	CTK3	73	1	9	1	18	64	NAM TIEN	Vietnamese
8	BUI CHI LINH	CTK3	69	1	14			69	NAM TIEN	Vietnamese
9	LUU NG NHAT DUY	CTK3	70-71	2	13			81	NAM TIEN	Vietnamese
10	DAM VAN THANH	CTK3	61	1	2			69	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HOANG CHÂU	CTK3	74	1	7			64	NAM TIEN	Vietnamese
12	NGO ĐỨC THUẬN	CTK3	59-60	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGO LAI THICH	CTK3	57-58	2	23			86	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	63	1	6			60	PSV	Vietnamese
15	ĐO ĐẠNG THANH	CTK3	68	1	2			66	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY HIẾU	CTK3	54-55	2	7	5	90	60	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐẶC NHA	CTK3	67	1	5			63	PSV	Vietnamese
18	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	64	1	8			66	PSV	Vietnamese
19	LÊ VĂN MINH	CTK3	66	1	4			79	PSV	Vietnamese
20	LÊ DUY HẢI	CTK3	65	1	4			74	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TIỀN	CTK3	62	1	7			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	GTC1	6	441	3	21	0	0	2 + 1		CHUYEN 1 PAX GTC1-CTK3
2	BK9	0	0	0	0	2	25	0 + 1		CHUYEN 1 PAX BK9-CTK3
3	CTK3	15	1.028	19	130	6	108	20		
TOTAL		21	1.469	22	151	8	133	22		
WEIGHT KG			1.469		151		133			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/05/2025	TO: BK19 - P11 - CLO - P1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: DUONG - MTHAO - VU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DUONG VAN CUONG	BK19	50	1	12	1	13	68	KH-THAC	Vietnamese
2	DUONG DIEP PHI	P11						77	KHOAN	Vietnamese
3	VU VAN DOANH	P11						72	KHOAN	Vietnamese
4	CAO DINH THANH	P11	34	1	4			56	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN HAU	P11	38	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN LE KIEN	P11	32	1	8			75	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG NHAT QUANG	P11	35	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HUU NAM	P11	29-30	2	10			85	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN PHUONG	P11	28	1	10			65	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN THE NGUYEN	P11	36-37	2	22			76	XAYLAP	Vietnamese
11	VU CONG DANH	P11	40	1	11	1	23	65	XAYLAP	Vietnamese
12	LE ANH DUC	P11	41	1	9			88	XAYLAP	Vietnamese
13	LE VINH THUAT	P11	42	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
14	LE XUAN TUYEN	P11						63	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN HOA	P11	31	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
16	BUI NGOC TU	P11	33	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
17	HUYNH TRUNG NGHIA	P11	39	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TUAN TU	P11	27	1	5			50	PSV	Vietnamese
19	BUI VAN QUAN	P1	93	1	5			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		BK19	1	68	1	12	1	13	0			
2		P11	17	1.195	16	107	1	23	8			
3		CLO	0	0	0	0	2	90	0			
4		P1	1	68	1	5	0	0	14			
		TOTAL	19	1.331	18	124	4	126	22			
		WEIGHT KG		1.331		124		126				

GRAND TOAL: 1.581 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/05/2025	TO: BK16 - GTC1 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - DTUNG	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRÍ CHUNG	BK16	24	1	6			55	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN KHANG	BK16	28	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO KIM CUÔNG	BK16	31	1	2	1	20	59	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ MINH THĂNG	BK16	29	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯU ĐỨC TUÂN	BK16	25	1	3			89	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG CÔNG DANH	BK16	26-27	2	15			75	CODIEN	Vietnamese
7	PHAN TIẾN CUÔNG	BK16	30	1	4			60	PSV	Vietnamese
8	ĐÀO XUÂN THỌ	GTC1	53	1	5	2	25	70	PSV	Vietnamese
9	ĐINH NGỌC QUÝ	P4	70	1	4			76	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	77	1	6			74	KHI	Vietnamese
11	TRẦN SƠN TIẾN	P4	78	1	6	2	40	68	KHI	Vietnamese
12	LÊ VĂN MẠNH	P4	73-74	2	16			58	KHI	Vietnamese
13	PHẠM QUỐC DUY	P4	75	1	4			61	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	67	1	2			68	KHI	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P4	68	1	6			76	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH CANG	P4	72	1	6			77	KHI	Vietnamese
17	ZAGUDAIEV VITALII	P4	71	1	3			80	KHI	Russian
18	PHẠM ANH ĐỨC	P4	65-66	2	13			61	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG ĐÌNH HIỀN	P4	76	1	4			65	KHI	Vietnamese
20	TRẦN VĂN NAM	P4	79	1	4			72	KHI	Vietnamese
21	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	69	1	7			69	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		BK16	7	496	8	39	1	20	5			
2		GTC1	1	70	1	5	2	25	2			
3		P4	13	905	15	81	2	40	15			
		TOTAL	21	1.471	24	125	5	85	22			
		WEIGHT KG		1.471		125		85				

GRAND TOAL: 1.681 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/05/2025	TO: BK14 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:20
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 14:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	DAO XUAN VIET	BK14	97	1	10	2	40	60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN CONG HIEN	PPD	89	1	3			55	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN TAT KHANH	PPD						75	KHI	Vietnamese
4	BUI NGOC HUONG	PPD	90	1	6			64	KHI	Vietnamese
5	LE TRUNG LAN	PPD	93	1	4			80	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	82	1	3			74	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN ANH TU	PPD	91	1	8			78	KHI	Vietnamese
8	TRUONG HAI HA	PPD	92	1	6			70	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN NAM HAI	PPD	83-84	2	10			72	T-TIN	Vietnamese
10	LUU VAN CHIEN	PPD	73	1	5			67	YTE	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD	79	1	2			58	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM THANH KIM	PPD	87	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN HOAI BAO	PPD	77	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HA	PPD	88	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MINH KHOI	PPD	85	1	18			72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MANH CHIEN	PPD	86	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
17	VU DUC TON	PPD	74	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MANH THANG	PPD	75	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
19	LUONG VAN TANG	PPD	76	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TUAN ANH	PPD	80-81	2	24			72	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐANG XUAN HAI	PPD	78	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI NGOC DUNG	PPD	94	1	8	1	15	58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		BK14	1	60	1	10	2	40	0			
2		PPD	21	1.432	22	138	1	15	22			
		TOTAL	22	1.492	23	148	3	55	22			
		WEIGHT KG		1.492		148		55				

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/05/2025	TO: RP3 - RP2 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: VTHANG - SON - THANH	ETA: 14:05
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRAN THANH ĐỨC	RP3	53	1	5			100	KHI	Vietnamese
2	KHÔNG TIEN DUNG	RP3	61-62	2	19			77	KHI	Vietnamese
3	LÊ TRƯỜNG HẬU	RP3	60	1	9			77	KHI	Vietnamese
4	TRAN TIEN TRUONG	RP3	59	1	17			74	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC LONG	RP3	58	1	15	1	14	64	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG XUAN THIN	RP3	56-57	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN ANH ĐẠO	RP3	48-49	2	12			75	DUY LINH	Vietnamese
8	BUI VAN CUONG	RP3	54	1	11			57	DUY LINH	Vietnamese
9	ĐẶNG TRỌNG DƯƠNG	RP3	52	1	11			68	DUY LINH	Vietnamese
10	TRAN THANH TUONG	RP3	47	1	13			62	DUY LINH	Vietnamese
11	TRUONG HUY TRONG	RP3	50	1	7			68	DUY LINH	Vietnamese
12	LÊ TIEN THUAT	RP3	51	1	14			66	DUY LINH	Vietnamese
13	ĐẶNG THAI SON	RP3	55	1	15	2	31	64	DUY LINH	Vietnamese
14	KIEU TUAN ANH	RP2	900,44	2	13			82	DVL	Vietnamese
15	TRAN VAN HIEP	RP2	98	1	16			74	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN ĐỨC LONG	RP2	96-97	2	15			67	DVL	Vietnamese
17	TRAN VAN THUAT	RP2	45-46	2	18			73	DVL	Vietnamese
18	VU VAN NAM	RP2	99	1	13			73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

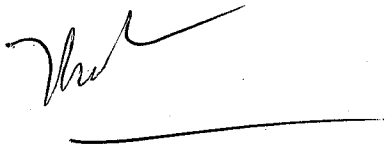
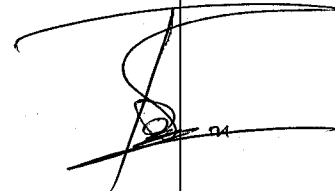
No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RP3	13	914	16	168	3	45	4			
2		RP2	5	369	8	75	0	0	6			
3		P10	0	0	0	0	0	0	5			
		TOTAL	18	1.283	24	243	3	45	15			
		WEIGHT KG		1.283		243		45				

GRAND TOAL: 1.571 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/05/2025	TO: PPD - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - MTHAO - VŨ	ETA: 16:20
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	07	1	11			55	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG ĐÌNH HOÀ	PPD	08	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ CHI KIẾN	PPD						81	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH TRUNG	PPD	10	1	4			66	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN THÈ HÙNG	PPD	02	1	3			74	KHI	Vietnamese
6	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD						88	KHI	Vietnamese
7	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	09	1	8			58	KHI	Vietnamese
8	CAO BA QUANG	PPD	03-04	2	11			71	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	05	1	5			73	PSV	Vietnamese
10	BUI XUAN DIEP	PPD	01	1	7			66	PSV	Vietnamese
11	VU THE LIEN	PPD	400	1	7			65	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN DINH LAM	PPD	06	1	12			80	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN DUY LAM	AMD	23	1	11			65	HLJOC	Vietnamese
14	TRẦN LÊ HOÀ	AMD	32	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC TUẤN	AMD	28	1	3			57	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUAN PHƯƠNG	AMD	31	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	29	1	5			48	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	AMD	30	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VŨ THUẬT	AMD	22	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TƯỜNG	AMD	25	1	7	1	10	71	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	26-27	2	16			66	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ CHÍ CƯỜNG	AMD	24	1	12			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		PPD	12	835	11	74	0	0	7			
2		AMD	10	628	11	86	1	10	15			
		TOTAL	22	1.463	22	160	1	10	22			
		WEIGHT KG		1.463		160		10				

GRAND TOAL: 1.633 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN